

Số: 49 /TTr-UBND

Bù Đăng, ngày 17 tháng 02 năm 2025

## TỜ TRÌNH

**Về việc điều chỉnh dự toán chi NSNN năm 2025 cho các Phòng chuyên môn thuộc UBND huyện sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức, bộ máy**

Kính gửi: HĐND huyện.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 25/12/2024 của HĐND huyện về dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 2870/QĐ-UBND ngày 25/12/2024 của UBND huyện về việc giao dự toán thu, chi NSNN năm 2025;

Căn cứ Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 09/12/2024 của Ban Chỉ đạo tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ-TW của Huyện ủy;

Căn cứ Thông báo số 1468-TB/HU ngày 18/12/2024 của Thường trực Huyện ủy về sắp xếp, tổ chức các Phòng chuyên môn thuộc UBND huyện;

Căn cứ Kết luận số -KL/HU ngày / /2025 của Thường trực Huyện ủy về xem xét văn bản do UBND huyện trình;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch tại Tờ trình số 44/TTr-TCKH-NS ngày 14/02/2025.

UBND huyện kính trình HĐND huyện thông qua Nghị quyết về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các Phòng chuyên môn thuộc UBND huyện sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức, bộ máy như sau:

### I. Lý do, sự cần thiết ban hành

1. Theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 52 và điểm a khoản 1 Điều 53 Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015:

#### **“Điều 52. Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước**

3. Ủy ban nhân dân trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định điều chỉnh dự toán ngân sách địa phương và báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất trong các trường hợp sau:



c) Khi cần điều chỉnh dự toán ngân sách của một số đơn vị dự toán hoặc địa phương cấp dưới.

### **Điều 53. Điều chỉnh dự toán đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách**

1. Điều chỉnh dự toán ngân sách đã giao cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc trong các trường hợp:

a) Do điều chỉnh dự toán ngân sách theo quy định tại Điều 52 của Luật này;"

2. Ngày 25/12/2024, HĐND huyện thông qua Nghị quyết số 43/NQ-HĐND thông qua dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025. Trong đó, đã thực hiện giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước cho các cơ quan, đơn vị, địa phương năm 2025 theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015 và các văn bản hướng dẫn có liên quan.

3. Theo Nghị quyết số 20-NQ/HU ngày 12/02/2025 của Huyện ủy: Hợp nhất Phòng Lao động - Thương binh & Xã hội và Phòng Nội vụ thành Phòng Nội vụ; hợp nhất Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với Phòng Tài nguyên và Môi trường thành Phòng Nông nghiệp và Môi trường; thành lập Phòng Dân tộc và Tôn giáo; thành lập Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị, thành lập Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin;... Đồng thời, một số Phòng tiếp nhận thêm chức năng, nhiệm vụ như: Văn phòng HĐND và UBND huyện; Phòng Giáo dục và Đào tạo; Trung tâm Y tế,...

Như vậy, việc UBND huyện trình HĐND huyện ban hành Nghị quyết về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các Phòng chuyên môn thuộc UBND huyện sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức, bộ máy là cần thiết và đúng quy định của pháp luật.

### **II. Nguyên tắc điều chỉnh**

- Đối với các đơn vị sáp nhập: Thực hiện điều chỉnh tăng dự toán cho đơn vị mới đảm bảo không vượt tổng dự toán đã được HĐND huyện giao đầu năm cho các đơn vị trước khi thực hiện sáp nhập.

- Đối với các đơn vị kết thúc hoạt động và chuyển nhiệm vụ sang đơn vị khác: Thực hiện điều chỉnh dự toán tương ứng chức năng, nhiệm vụ từ các đơn vị kết thúc hoạt động cho đơn vị tiếp nhận mới.

### **III. Kế hoạch thực hiện**

Việc điều chỉnh dự toán chi NSNN năm 2025 của các cơ quan, đơn vị đảm bảo không vượt dự toán HĐND huyện đã giao đầu năm, số tiền 59 tỷ 388 triệu đồng (Có dự toán chi tiết kèm theo).

Do các đơn vị bị ảnh hưởng từ việc sắp xếp tổ chức, bộ máy các Phòng chuyên môn thuộc UBND huyện còn tiếp tục thực hiện chi ngân sách đến hết ngày 28/02/2025. Để kịp thời chi trả lương, phụ cấp và hoạt động chuyên môn của các cơ quan, đơn vị ngay sau khi sáp nhập. UBND huyện kính trình HĐND huyện xem xét thông qua Nghị quyết về việc điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2025 sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức, bộ máy cho các Phòng chuyên

môn thuộc UBND huyện. Trong đó, trên cơ sở Nghị quyết số 20-NQ/HU ngày 12/02/2025 của Huyện ủy; Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 25/12/2024 của HĐND huyện và số thực chi NSNN đến ngày 28/02/2025 của các cơ quan, đơn vị (có xác nhận của Kho bạc Nhà nước): Giao UBND huyện thực hiện phân khai dự toán chi tiết chi các cơ quan, đơn vị sau khi sắp xếp (Tổng dự toán được giao trong năm; số đã sử dụng đến hết ngày 28/02/2025; số còn được sử dụng trong năm 2025) đảm bảo không vượt quá tổng mức đã được giao tại Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 25/12/2024 của HĐND huyện. Đồng thời, tổng hợp số phân khai chi tiết, báo cáo HĐND huyện trong dự toán điều chỉnh 6 tháng cuối năm 2025.

*(Gửi kèm Dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện).*

UBND huyện kính trình HĐND huyện xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Huyện ủy;
- CT, các PCT UBND huyện;
- BTT UBMTTQVN huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị;
- UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP, CV: KT;
- Lưu: VT, (Yến).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN  
CHỦ TỊCH**



*Vũ Văn Mười*

# DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 CỦA CÁC PHÒNG THỰC HIỆN SẮP XẾP TỔ CHỨC, BỘ MÁY

(Ban hành kèm theo Tờ trình số 49 /TTr-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2025 của UBND huyện)

Dự toán giao năm 2025 đã được giao tại Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 25/12/ 2024 của Hội đồng nhân dân huyện			Dự toán điều chỉnh năm 2025 (Sau khi sắp xếp tổ chức, bộ máy)		
STT	Tên đơn vị	Số tiền (triệu đồng)	STT	Tên đơn vị	Số tiền (triệu đồng)
<b>I</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	<b>20.704</b>	<b>I</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	Trên cơ sở kết quả thực chi NSNN đến ngày 28/02/2025 của các cơ quan, đơn vị (có xác nhận của Kho bạc Nhà nước): Giao UBND huyện thực hiện phân khất dự toán chi tiết chi các cơ quan, đơn vị sau khi sắp xếp (Tổng dự toán được giao trong năm; số đã sử dụng đến hết ngày 28/02/2025; số còn được sử dụng trong năm 2025) đảm bảo không vượt quá tổng mức đã được giao tại Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 25/12/2024 của HĐND huyện
<b>I.1</b>	<b>Sự nghiệp giao thông</b>	<b>2.500</b>	<b>I.1</b>	<b>Sự nghiệp giao thông</b>	
1	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2.500	1	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
<b>I.2</b>	<b>Sự nghiệp Kiến thiết thị chính</b>	<b>10.082</b>	<b>I.2</b>	<b>Sự nghiệp Kiến thiết thị chính</b>	
1	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	10.082	1	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
<b>I.3</b>	<b>Sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	<b>200</b>	<b>I.3</b>	<b>Sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
1	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	200	1	Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin	
<b>I.4</b>	<b>Chi sự nghiệp môi trường</b>	<b>340</b>	<b>I.4</b>	<b>Chi sự nghiệp môi trường</b>	
1	Phòng Tài nguyên và Môi trường	340	1	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	
<b>I.5</b>	<b>Chi quy hoạch</b>	<b>5.362</b>	<b>I.5</b>	<b>Chi quy hoạch</b>	
1	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1.200	1	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	
2	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	4.162	2	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
<b>I.6</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế khác</b>	<b>2.220</b>	<b>I.6</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế khác</b>	
1	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1.220	1	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	

Dự toán giao năm 2025 đã được giao tại Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 25/12/ 2024 của Hội đồng nhân dân huyện			Dự toán điều chỉnh năm 2025 (Sau khi sắp xếp tổ chức, bộ máy)		
STT	Tên đơn vị	Số tiền (triệu đồng)	STT	Tên đơn vị	Số tiền (triệu đồng)
2	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1.000	2	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
<b>II</b>	<b>Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo - Dạy nghề</b>	<b>2.000</b>	<b>II</b>	<b>Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo - Dạy nghề</b>	
<b>II.1</b>	<b>Sự nghiệp đào tạo</b>	<b>2.000</b>	<b>II.1</b>	<b>Sự nghiệp đào tạo</b>	
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội			Giao UBND huyện thực hiện phân khai dự toán chi tiết chi các cơ quan, đơn vị sau khi sắp xếp	
-	Kinh phí thực hiện Nghị định 81/2021/NĐ-CP về chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập;...(Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội)	2.000	-	Kinh phí thực hiện Nghị định 81/2021/NĐ-CP về chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập;...	
<b>III</b>	<b>Đảm bảo xã hội</b>	<b>25.384</b>	<b>III</b>	<b>Đảm bảo xã hội</b>	
1	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	25.260	1	Giao UBND huyện thực hiện phân khai dự toán chi tiết chi các cơ quan, đơn vị sau khi sắp xếp	
-	Chính sách và các hoạt động phục vụ các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác	20.965	-	Chính sách và các hoạt động phục vụ các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác	
-	Chính sách và các hoạt động phục vụ người có công với cách mạng	796	-	Chính sách và các hoạt động phục vụ người có công với cách mạng	
-	Hoạt động chăm sóc và bảo vệ trẻ em	370	-	Hoạt động chăm sóc và bảo vệ trẻ em	
-	Bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ	2.629	-	Bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ	
-	Chi hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội (cấp bằng lệnh chi)	400	-	Chi hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội (cấp bằng lệnh chi)	

Dự toán giao năm 2025 đã được giao tại Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 25/12/ 2024 của Hội đồng nhân dân huyện			Dự toán điều chỉnh năm 2025 (Sau khi sắp xếp tổ chức, bộ máy)		
STT	Tên đơn vị	Số tiền (triệu đồng)	STT	Tên đơn vị	Số tiền (triệu đồng)
	Chi hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng BTXH thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 09/11/2022 của HĐND tỉnh	100		Chi hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng BTXH thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 09/11/2022 của HĐND tỉnh	
2	Phòng Dân tộc	124	2	Phòng Dân tộc	
-	KP thực hiện chính sách người có uy tín trong đồng bào dân thiểu số	124	-	KP thực hiện chính sách người có uy tín trong đồng bào dân thiểu số (Phòng Dân tộc)	
<b>IV</b>	<b>Quản lý hành chính</b>	<b>11.300</b>	<b>IV</b>	<b>Quản lý hành chính</b>	
<b>IV.1</b>	<b>Quản lý nhà nước</b>	<b>11.300</b>	<b>IV.1</b>	<b>Quản lý nhà nước:</b> Giao UBND huyện thực hiện phân khai dự toán chi tiết chi các cơ quan, đơn vị sau khi sắp xếp.	
1	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.030	1	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	
2	Phòng Nội vụ	4.931	2	Phòng Nội vụ	
3	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	1.279	3	Phòng Dân tộc và Tôn giáo	
4	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1.221	4	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
5	Phòng Văn hóa và Thông tin	948	5	Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin	
6	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1.108			
7	Phòng Dân tộc	783			
	<b>Tổng cộng</b>	<b>59.388</b>			





HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN BÙ ĐĂNG

Số /NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bù Đăng, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO

### NGHỊ QUYẾT

**Thông qua điều chỉnh dự toán chi NSNN năm 2025 cho các Phòng chuyên môn thuộc UBND huyện sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức, bộ máy**

### HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG KHÓA VII, KỲ HỌP THỨ 16

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25/6/2015;*

*Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2025 của UBND huyện, Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND-KTXH ngày / /2025 của Ban KT- XH Hội đồng nhân dân huyện; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân huyện tại kỳ họp.*

### QUYẾT NGHỊ:

**Điều 1.** Giao Ủy ban nhân dân huyện trên cơ sở các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân huyện về việc hợp nhất và thành lập các Phòng; Dự toán của các đơn vị được giao tại Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 25/12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện và số thực chi NSNN đến ngày 28/02/2025 của các Phòng (có xác nhận của Kho bạc Nhà nước): Thực hiện phân khai dự toán chi tiết chỉ cho các cơ quan, đơn vị sau khi sắp xếp (Tổng dự toán được giao trong năm; số đã sử dụng đến hết ngày 28/02/2025; số còn được sử dụng trong năm 2025) đảm bảo không vượt quá tổng mức đã được giao tại Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 25/12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện (Có dự toán chi tiết kèm theo). Đồng thời, tổng hợp số phân khai chi tiết, báo cáo Hội đồng nhân dân huyện trong dự toán điều chỉnh 6 tháng cuối năm 2025.

**Điều 2.** Các nội dung khác không thực hiện điều chỉnh tại Nghị quyết này tiếp tục thực hiện theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 25/12/2024 của Hội đồng nhân dân huyện.

**Điều 3.** Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ Đại biểu Hội đồng nhân dân và các vị Đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện Bù Đăng khóa VII, Kỳ họp thứ 16 thông qua ngày tháng 02 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2025./.

**Nơi nhận:**

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Huyện ủy;
- UBND huyện;
- UBMTTQVN huyện;
- Các Ban HĐND huyện;
- Các Tổ Đại biểu HĐND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện;
- TT. HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- LĐVP; CV: KT;
- Lưu: VT.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tấn Hồng**



# DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025 CỦA CÁC PHÒNG THỰC HIỆN SẮP XẾP TỔ CHỨC, BỘ MÁY

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày tháng năm 2025 của HĐND huyện)

Dự toán giao năm 2025 đã được giao tại Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 25/12/ 2024 của Hội đồng nhân dân huyện			Dự toán điều chỉnh năm 2025 (Sau khi sắp xếp tổ chức, bộ máy)		
STT	Tên đơn vị	Số tiền (triệu đồng)	STT	Tên đơn vị	Số tiền (triệu đồng)
<b>I</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	<b>20.704</b>	<b>I</b>	<b>Chi sự nghiệp kinh tế</b>	Trên cơ sở kết quả thực chi NSNN đến ngày 28/02/2025 của các cơ quan, đơn vị (có xác nhận của Kho bạc Nhà nước); Giao UBND huyện thực hiện phân khai dự toán chi tiết chỉ các cơ quan, đơn vị sau khi sắp xếp (Tổng dự toán được giao trong năm; số đã sử dụng đến hết ngày 28/02/2025; số còn được sử dụng trong năm 2025) đảm bảo không vượt quá tổng mức đã được giao tại Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 25/12/2024 của HĐND huyện
<b>I.1</b>	<b>Sự nghiệp giao thông</b>	<b>2.500</b>	<b>I.1</b>	<b>Sự nghiệp giao thông</b>	
1	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	2.500	1	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
<b>I.2</b>	<b>Sự nghiệp Kiến thiết thị chính</b>	<b>10.082</b>	<b>I.2</b>	<b>Sự nghiệp Kiến thiết thị chính</b>	
1	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	10.082	1	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
<b>I.3</b>	<b>Sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	<b>200</b>	<b>I.3</b>	<b>Sự nghiệp khoa học và công nghệ</b>	
1	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	200	1	Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin	
<b>I.4</b>	<b>Chi sự nghiệp môi trường</b>	<b>340</b>	<b>I.4</b>	<b>Chi sự nghiệp môi trường</b>	
1	Phòng Tài nguyên và Môi trường	340	1	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	
<b>I.5</b>	<b>Chi quy hoạch</b>	<b>5.362</b>	<b>I.5</b>	<b>Chi quy hoạch</b>	
1	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1.200	1	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	
2	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	4.162	2	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
<b>I.6</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế khác</b>	<b>2.220</b>	<b>I.6</b>	<b>Sự nghiệp kinh tế khác</b>	
1	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1.220	1	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	

Dự toán giao năm 2025 đã được giao tại Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 25/12/ 2024 của Hội đồng nhân dân huyện			Dự toán điều chỉnh năm 2025 (Sau khi sắp xếp tổ chức, bộ máy)		
STT	Tên đơn vị	Số tiền (triệu đồng)	STT	Tên đơn vị	Số tiền (triệu đồng)
2	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1.000	2	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
<b>II</b>	<b>Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo - Dạy nghề</b>	<b>2.000</b>	<b>II</b>	<b>Chi sự nghiệp Giáo dục - Đào tạo - Dạy nghề</b>	
<b>II.1</b>	<b>Sự nghiệp đào tạo</b>	<b>2.000</b>	<b>II.1</b>	<b>Sự nghiệp đào tạo</b>	
	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội			Giao UBND huyện thực hiện phân khai dự toán chi tiết chi các cơ quan, đơn vị sau khi sắp xếp	
-	Kinh phí thực hiện Nghị định 81/2021/NĐ-CP về chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập;...(Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội)	2.000	-	Kinh phí thực hiện Nghị định 81/2021/NĐ-CP về chính sách miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập;...	
<b>III</b>	<b>Đảm bảo xã hội</b>	<b>25.384</b>	<b>III</b>	<b>Đảm bảo xã hội</b>	
1	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	25.260	1	Giao UBND huyện thực hiện phân khai dự toán chi tiết chi các cơ quan, đơn vị sau khi sắp xếp	
-	Chính sách và các hoạt động phục vụ các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác	20.965	-	Chính sách và các hoạt động phục vụ các đối tượng bảo trợ xã hội và các đối tượng khác	
-	Chính sách và các hoạt động phục vụ người có công với cách mạng	796	-	Chính sách và các hoạt động phục vụ người có công với cách mạng	
-	Hoạt động chăm sóc và bảo vệ trẻ em	370	-	Hoạt động chăm sóc và bảo vệ trẻ em	
-	Bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ	2.629	-	Bảo hiểm y tế cho đối tượng bảo trợ	
-	Chi hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội (cấp bằng lệnh chi)	400	-	Chi hỗ trợ tiền điện cho hộ nghèo, hộ chính sách xã hội (cấp bằng lệnh chi)	

Dự toán giao năm 2025 đã được giao tại Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 25/12/ 2024 của Hội đồng nhân dân huyện			Dự toán điều chỉnh năm 2025 (Sau khi sắp xếp tổ chức, bộ máy)		
STT	Tên đơn vị	Số tiền (triệu đồng)	STT	Tên đơn vị	Số tiền (triệu đồng)
	Chi hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng BTXH thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 09/11/2022 của HĐND tỉnh	100		Chi hỗ trợ hàng tháng đối với đối tượng BTXH thuộc hộ nghèo không có khả năng lao động theo Nghị quyết số 19/2022/NQ-HĐND ngày 09/11/2022 của HĐND tỉnh	
2	Phòng Dân tộc	124	2	Phòng Dân tộc	
-	KP thực hiện chính sách người có uy tín trong đồng bào dân thiểu số	124	-	KP thực hiện chính sách người có uy tín trong đồng bào dân thiểu số (Phòng Dân tộc)	
<b>IV</b>	<b>Quản lý hành chính</b>	<b>11.300</b>	<b>IV</b>	<b>Quản lý hành chính</b>	
<b>IV.1</b>	<b>Quản lý nhà nước</b>	<b>11.300</b>	<b>IV.1</b>	<b>Quản lý nhà nước:</b> Giao UBND huyện thực hiện phân khai dự toán chi tiết chi các cơ quan, đơn vị sau khi sắp xếp.	
1	Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	1.030	1	Phòng Nông nghiệp và Môi trường	
2	Phòng Nội vụ	4.931	2	Phòng Nội vụ	
3	Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội	1.279	3	Phòng Dân tộc và Tôn giáo	
4	Phòng Kinh tế và Hạ tầng	1.221	4	Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị	
5	Phòng Văn hóa và Thông tin	948	5	Phòng Văn hóa, Khoa học và Thông tin	
6	Phòng Tài nguyên và Môi trường	1.108			
7	Phòng Dân tộc	783			
	<b>Tổng cộng</b>	<b>59.388</b>			

